

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016-2020.

I. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Đầu giai đoạn (năm 2016) toàn tỉnh có 23.767 hộ nghèo, tỷ lệ 14,93% trên tổng số hộ dân; đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm xuống còn 5,33%, bình quân mỗi năm giảm 1,92% (đến cuối năm 2021, toàn tỉnh còn 8.280 hộ nghèo chiếm 4,55% trên tổng số hộ dân). Về kết quả giảm nghèo đối với hộ nghèo dân tộc thiểu số: năm 2016, tỉnh có 12.556 hộ nghèo dân tộc thiểu số, đến cuối năm 2020, toàn tỉnh còn 5.901 hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số, giảm 6.655 hộ.

Tổng nguồn lực huy động cho chính sách giảm nghèo và Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh là 3.705,24 tỷ đồng trong đó: Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 423.469,37 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 11,01%; vốn tín dụng 2.338 tỷ đồng chiếm 60,8%, vốn thực hiện chính sách giảm nghèo khác là 930,927 tỷ đồng chiếm 24,2%, vốn huy động từ các nguồn Quỹ và vận động của các cấp hội là 152,85 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 3,97%.

Kết quả thực hiện các Dự án:

Dự án 1: (Chương trình 30a) Tổng kinh phí thực hiện là 286.930,12 triệu đồng. Trong đó: vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo là 216.360 triệu đồng, vốn lồng ghép là 68.441,12 triệu đồng, huy động khác là 2.129 triệu đồng. Xây dựng và sửa chữa 233 công trình huyện nghèo và 15 công trình xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển. Với 97 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

Dự án 2: (Chương trình 135) Tổng kinh phí thực hiện là 134.597,28 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách Trung ương: 128.890,28 triệu đồng; ngân sách địa phương: 5.707 triệu đồng. Giai đoạn 2016 – 2020 đã thực hiện xây dựng mới 154 công trình, duy tu bảo dưỡng 50 công trình, thu hút 3.067 hộ gia đình tham gia

các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; tổ chức 182 lớp tập huấn cho 4.248 người tham gia.

Dự án 3: (Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo): Tổng vốn thực hiện là 5.356,25 triệu đồng; Thực hiện hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo với 17 mô hình và 335 hộ hưởng lợi.

Dự án 4: (Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin): Tổ chức nhiều cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số; in ấn, cấp phát tờ rơi về chính sách giảm nghèo và lắp đặt Pano, băng rôn tuyên truyền phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo- không để ai bị bỏ lại phía sau” tạo thành phong trào sâu rộng trong nhân dân. Thực hiện hỗ trợ phương tiện nghe xem; Xây dựng trang Thông tin điện tử “giamngheo.ninhthuan.gov.vn” cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Chương trình.

Dự án 5: (Nâng cao năng lực, giám sát đánh giá): Tổ chức biên soạn tài liệu và tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng, đào tạo cho các địa phương; thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát và phân công thành viên Ban Chỉ đạo tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành, qua đó tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở trong quá trình thực hiện. Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 05 năm, 03 năm và hàng năm. Kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo các cấp.

II. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

1. Hạn chế, tồn tại:

Tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung của tỉnh hàng năm tuy có giảm (còn 4,55% vào cuối năm 2021) nhưng vẫn còn ở mức cao so với bình quân chung toàn quốc; Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn chiếm tỷ lệ cao, điều kiện để giảm nghèo ở những vùng này còn nhiều khó khăn. Nguồn lực huy động cho chương trình chủ yếu dựa vào các nguồn lực từ ngân sách là chính. Một số chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo có mức đầu tư thấp, còn dàn trải, chông chéo. Việc huy động nguồn lực tại chỗ để giảm nghèo ở địa phương còn khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ của người nghèo, dẫn đến việc giúp người nghèo thoát nghèo nhưng tính bền vững chưa cao. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của chính quyền địa phương một số nơi chưa được quan tâm thường xuyên, liên tục; bên cạnh đó việc triển khai thực hiện chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ngành, địa phương.

2. Nguyên nhân:

Nguyên nhân khách quan: Điều kiện tự nhiên – xã hội của tỉnh còn khó khăn, nhất là vùng dân tộc miền núi và tác động của thiên tai, dịch bệnh Covid-19; một số chính sách thực hiện giảm nghèo còn dàn trải, chưa phát huy hiệu quả.

Nguyên nhân chủ quan: Cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu ở một số địa phương, nhất là cấp xã chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm để tập trung, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo bền vững tại địa phương. Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện công tác giảm nghèo hiệu

quả chưa cao; một số nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động chưa thu hút được người dân quan tâm tham gia. Một bộ phận cán bộ, công chức ở cơ sở năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo còn hạn chế.

III. Thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025.

1. Hộ nghèo chung:

Cuối năm 2021, toàn tỉnh có số hộ nghèo là 14.208 hộ, chiếm tỷ lệ 7,82%; Hộ cận nghèo là 12.887 hộ, chiếm tỷ lệ 7,09% so số hộ toàn tỉnh. Như vậy, tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo tỉnh Ninh Thuận đầu giai đoạn 2022 - 2025 là 14,91%.

Hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo 30a (Bác Ái): có 3.173 hộ nghèo, chiếm 40,09%; hộ cận nghèo là 655 hộ, chiếm 8,28%. Trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số là 3.149 hộ chiếm 99,24%.

2. Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo:

Thiếu hụt về việc làm: Toàn tỉnh có 12.981 hộ nghèo thiếu hụt chiều việc làm, trong đó hộ thiếu việc làm hoặc có việc làm nhưng không ổn định chiếm 57,25% so hộ nghèo. Hộ có tỷ lệ người phụ thuộc trên 50% thành viên hộ chiếm 34,11%.

Thiếu hụt về y tế và dinh dưỡng: Toàn tỉnh có 7.787 hộ nghèo thiếu hụt chiều y tế và dinh dưỡng, cụ thể: hộ gia đình có trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi chiếm 14,63%. Hộ có người không có bảo hiểm y tế chiếm 40,17%.

Thiếu hụt về giáo dục: Toàn tỉnh có 7.096 hộ nghèo thiếu hụt về giáo dục, cụ thể: Hộ ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 tuổi đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng chiếm 41,17%; hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi chiếm 8,78%.

Thiếu hụt về nhà ở: Toàn tỉnh có 10.343 hộ nghèo thiếu hụt về nhà ở, cụ thể: Hộ hiện đang ở nhà có chất lượng không đảm bảo “3 cứng” chiếm 24,52%; hộ hiện có nhà ở mà diện tích bình quân đầu người dưới 8m² chiếm 48,28%.

Thiếu hụt về nước sạch và vệ sinh môi trường: Toàn tỉnh có 6.567 hộ nghèo thiếu hụt về nước sạch và vệ sinh môi trường, cụ thể: Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt chiếm 5,77%; hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm 40,45%.

Thiếu hụt về tiếp cận thông tin: Toàn tỉnh có 7.689 hộ nghèo thiếu hụt về tiếp cận thông tin, cụ thể: Hộ không sử dụng internet chiếm 38,03%; hộ không có phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin chiếm 16,09%.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHEO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Mục tiêu.

1. Mục tiêu tổng quát:

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Mục tiêu cụ thể:

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1,5 - 2%/năm;

- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3,0%/năm;
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn;
- Tỷ lệ hộ nghèo ở huyện nghèo giảm từ 4 - 5%/năm.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025:

a) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- 100% huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi;

- Hỗ trợ phát triển 10 mô hình giảm nghèo/năm để đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm tốt, có thu nhập bền vững.

- Phần đầu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập;

- Phần đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 cùng với hệ thống chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:

- Chiều thiếu hụt về việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo xuống dưới 10%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%;

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Có 797 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

II. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện.

1. Phạm vi của Chương trình

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, trọng tâm là địa bàn huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

2. Đối tượng của Chương trình

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

c) Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

d) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

đ) Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện Chương trình: đến hết năm 2025.

4. Tổng kinh phí thực hiện tạm tính: Tổng kinh phí là 729,9 tỷ đồng, dự kiến huy động từ các nguồn:

- Ngân sách trung ương: 640 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương: 60,4 tỷ đồng.
- Vốn huy động hợp pháp khác: 65,5 tỷ đồng.

III. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

a) Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển; hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Đối tượng: Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Nội dung hỗ trợ: Đầu tư, duy tu và bảo dưỡng các cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn phục vụ dân sinh, sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Kế hoạch và đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổng hợp kết quả thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

đ) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 253 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 220 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 187 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 33 tỷ đồng).

- Ngân sách địa phương: 22 tỷ đồng (bổ trí ít nhất bằng 10% nguồn vốn Trung ương theo quy định);

- Huy động khác: 11 tỷ đồng (ước 5% tổng ngân sách trung ương, từ việc huy động sự tham gia dự án của người dân bằng giải phóng mặt bằng, hiến đất, hiến cây...).

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du

lịch,... nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Hộ gia đình, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch,...nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ,... thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện;

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch,... nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thiết bị và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

d) Phân công thực hiện

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã và các địa phương để tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn cơ sở xây dựng dự án, hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện;

- Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn cộng đồng xây dựng dự án, phê duyệt dự án, chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả theo định kỳ và hằng năm;

- Cộng đồng đề xuất, xây dựng dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, trực tiếp triển khai thực hiện, đánh giá kết quả và báo cáo theo quy định.

đ) Tổng nhu cầu vốn thực hiện Dự án 2: 120,6 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 96 tỷ đồng;
- Ngân sách địa phương: 9,6 tỷ đồng (dự kiến 10% NSTW);
- Vốn huy động hợp pháp khác, chủ yếu là đóng góp của hộ gia đình tham gia thực hiện dự án (dự kiến 15% NSTW): 15 tỷ đồng.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu: hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Đối tượng:

- + Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển;

- + Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng; Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Phân công thực hiện:

- + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên

địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn cơ sở xây dựng dự án, hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn cộng đồng xây dựng dự án, phê duyệt dự án, chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả theo định kỳ và hằng năm;

+ Cộng đồng đề xuất, xây dựng dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, trực tiếp triển khai thực hiện, đánh giá kết quả và báo cáo theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 1: 55,1 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 41 tỷ đồng;

+ Ngân sách địa phương: 4,1 tỷ đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 10 tỷ đồng (bao gồm cả vốn đóng góp của người dân, vốn vay từ Ngân hàng CSXH và huy động khác).

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

- Đối tượng:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển;

+ Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển;

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

- Phân công thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng vốn Tiểu dự án 2 là: 19 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 15 tỷ đồng;

+ Ngân sách địa phương: 1,5 tỷ đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 2,5 tỷ đồng.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Đối tượng:

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

+ Các địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

- Nội dung hỗ trợ:

Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp,...); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm; Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã; Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, địa phương tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiêu dự án 1: 192,1 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 78,7 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 113,4 tỷ đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 161 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 67 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 94 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 16,1 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 6,7 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 9,4 tỷ đồng);

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 15 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 5 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 10 tỷ đồng).

b) Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

- Đối tượng:

+ Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn huyện nghèo (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030), xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển; ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

+ Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;

+ Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

- Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và địa phương tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 4,3 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- + Ngân sách trung ương: 3 tỷ đồng;
- + Ngân sách địa phương: 0,3 tỷ đồng;
- + Vốn huy động hợp pháp khác: 1 tỷ đồng.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

- Đối tượng:

+ Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển;

+ Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo và cơ quan, tổ chức có liên quan;

+ Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- Nội dung hỗ trợ:

Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu; Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; Hỗ trợ giao dịch việc làm; Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và địa phương tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 32,7 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 8,8 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 23,9 tỷ đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 27 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 8 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 19 tỷ đồng).

+ Ngân sách địa phương: 2,7 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 0,8 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 1,9 tỷ đồng).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 3 tỷ đồng.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo

a) Mục tiêu: hỗ trợ nhà ở cho khoảng 797 hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021 - 2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm;

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

c) Nội dung hỗ trợ:

Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m², “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

d) Phân công thực hiện:

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

đ) Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 19 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 10 tỷ đồng;

+ Ngân sách địa phương: 1 tỷ đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 8 tỷ đồng.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương;

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững;

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

- Đối tượng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

+ Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Phân công thực hiện:

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan và địa phương tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 1: 3,3 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 3 tỷ đồng;

+ Ngân sách địa phương: 0,3 tỷ đồng

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng:

+ Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, chuyên trang, ấn phẩm... truyền thông về giảm nghèo bền vững; Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững. Tổ chức thực hiện phong trào thi đua về giảm nghèo; Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở; Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan và địa phương tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 2: 5,5 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 5 tỷ đồng.

+ Ngân sách địa phương: 0,5 tỷ đồng.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, đại diện cộng đồng, cán bộ chi hội đoàn thể, công tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và địa phương tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 1: 16,5 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 15 tỷ đồng;

+ Ngân sách địa phương: 1,5 tỷ đồng.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Mục tiêu:

+ Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình;

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ

thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 2: 8,8 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 8 tỷ đồng;

+ Ngân sách địa phương: 0,8 tỷ đồng;

IV. Các giải pháp thực hiện Chương trình.

1. Về nguyên tắc thực hiện Chương trình

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số hoạt động của Chương trình bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm, điều kiện huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải; sử dụng vốn của Chương trình đúng mục đích và quy định.

c) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

d) Phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

đ) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn

các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

a) Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân; vốn đối ứng, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

b) Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

c) Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện

a) Ban Chỉ đạo các cấp:

Nâng cao chất lượng hoạt động Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp giai đoạn 2021 - 2025. Ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cụ thể để chỉ đạo điều hành công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

Kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp đảm bảo thống nhất, đủ năng lực, hoạt động chuyên nghiệp, tham mưu thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững, đáp ứng yêu cầu đặt ra.

b) Về cơ chế thực hiện

Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất;

Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, quản lý mô hình, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người học nghề thuộc đối tượng của Chương trình;

Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội

dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng;

Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

4. Về công tác tuyên truyền

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

b) Đổi mới phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Ninh Thuận không còn đói nghèo”.

V. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Tổng hợp, đề xuất dự kiến phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm, gửi Sở Tài chính theo quy định.

Chủ trì xây dựng phương án giao chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ cụ thể hằng năm, giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện Chương trình cho các địa phương, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

Chủ trì hướng dẫn các sở, ngành liên quan và địa phương thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hằng năm. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và đầu tư

Tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí đầu tư, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025 và kế hoạch hằng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, bố trí nguồn vốn đầu tư Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan liên quan cân đối, bố trí đủ vốn sự nghiệp và có kế hoạch bổ sung vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Chủ trì hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

4. Các sở, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình:

Tổng hợp kết quả thực hiện; hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm giao cho các sở, ngành và địa phương thực hiện đối với dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ngành, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

Lập kế hoạch vốn giai đoạn và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc chương trình được phân công chủ trì.

Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ngành, địa phương.

Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của Chương trình chủ trì theo quy định, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh.

Báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao, gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

5. Các sở, ngành tham gia thực hiện Chương trình

Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

6. Các cơ quan thông tin và truyền thông: Có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị, xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo, thành lập Ban Chỉ đạo chung các chương trình mục tiêu quốc gia và đơn vị giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp theo nguyên tắc, yêu cầu như đối với Ban Chỉ đạo tỉnh. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tại địa phương.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương (nếu có) và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình.

Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Chương trình trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; đề nghị các Sở, ngành, địa phương căn cứ triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện sẽ điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ để phù hợp với tình hình thực tế và văn bản triển khai của cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- VP QGGN-Bộ LĐTBXH;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh, các Hội, đoàn thể;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, tp;
- VPUB: LĐ, CV;
- Lưu: VT. NVT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên